TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2025/DS-ST
Ngày 23-12-2025
Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Ngọc;
2. Ông Phan Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 404/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 330/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 205/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP C3 (V); địa chỉ: Số A T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là phường C, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Ao Hồng D, sinh năm 1973; địa chỉ: Số B Đ, KCN S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Hoàng T, sinh năm 1974; địa chỉ: C Ấp C, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là C8/17, Ấp C, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh) và bà Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1977; địa chỉ: D ấp D, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là số D Ấp C, xã V, thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Thành T1, sinh năm 1949 và bà Lê Thị N, sinh năm 1950; cùng địa chỉ: C, Ấp C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là C8/17, Ấp C, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 5 năm 2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C3 (V) là bà Ao Hồng D trình bày:

Ngày 15/3/2023, Ngân hàng TMCP C3 (V) với ông Võ Hoàng T, bà Nguyễn Thị Thu C ký Hợp đồng tín dụng số: 064/2023-HĐCV/NHCT901 với nội dung: Ngân hàng cho ông T, bà C vay số tiền 3.500.000.000 đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua quyền sử dụng đất tại thửa đất số 952, tờ bản đồ số 26, địa chỉ: G, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Thời hạn vay: 240 tháng; Lãi suất vay: 13%/năm, lãi suất có điều chỉnh. Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 064/2023 ngày 16/3/2023: Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số: 035/2023/HĐBĐ/NHCT901 ngày 15/03/2023 giữa Ngân hàng TMCP C3 (V) ký với ông Võ Thanh T2, bà Lê Thị N, số công chứng 0002651 tại Văn phòng C4, Thành phố Hồ Chí Minh là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 703, tờ bản đồ số 13, diện tích 96,3m^2 (trong đó: đất ở 96,3m^2), tại địa chỉ: Xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG451609, số vào sổ cấp GCN: CH01847 do Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/8/2011, cập nhật biến động ngày 06/12/2013. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Võ Hoàng T và bà Nguyễn Thị Thu C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số: 064/2023-HĐCV/NHCT901 ngày 15/3/2023; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 064/2023 ngày 16/3/2023 tạm tính đến ngày 23/12/2025 là 3.518.723.048 đồng trong đó: Nợ gốc là 3.200.536.739 đồng, nợ lãi trong hạn 313.132.845 đồng, nợ lãi phạt 5.053.464 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 24/12/2025 cho đến khi ông T, bà C hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP C3 (V).

Vì vậy, Ngân hàng TMCP C3 (V) yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Võ Hoàng T, bà Nguyễn Thị Thu C thanh toán cho Ngân hàng TMCP C3 (V) tổng số nợ của Hợp đồng tín dụng số: 064/2023-HĐCV/NHCT901 ngày 15/3/2023; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 064/2023 ngày 16/3/2023 tính đến ngày 23/12/2025 là 3.518.723.048 đồng trong đó: Nợ gốc là 3.200.536.739 đồng, nợ lãi trong hạn 313.132.845 đồng, nợ lãi phạt 5.053.464 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã

ký kết từ kể ngày 24/12/2025 cho đến khi T, bà C hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP C3 (V).

- Nếu ông Võ Hoàng T, bà Nguyễn Thị Thu C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP C3 (V) được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số: 035/2023/HĐBĐ/NHCT901 ngày 15/03/2023, số công chứng 0002651 tại Văn phòng C4, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP C3 (V). Cụ thể tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 703, tờ bản đồ số 13, diện tích 96,3m^2 (trong đó: đất ở 96,3m^2), tại địa chỉ: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 451609, số vào sổ cấp GCN: CH01847 do Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/8/2011, cập nhật biến động ngày 06/12/2013.

* Đối với bị đơn ông Võ Hoàng T và bà Nguyễn Thị Thu C: Quá trình tố tụng ông T, bà C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

** Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành T1 và bà Lê Thị N trình bày:* Ông Võ Thành T1 và bà Lê Thị N là cha ruột của ông Võ Hoàng T, còn bà Nguyễn Thị Thu C là con dâu. Ngày 15/3/2023 ông Võ Hoàng T và bà Nguyễn Thị Thu C ký với Ngân hàng TMCP C3 (V) Hợp đồng tín dụng số: 064/2023-HĐCV/NHCT901 ngày 15/3/2023 để vay số tiền 3.500.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay thì ông T1, bà N có ký kết với Ngân hàng TMCP C3 (V) Hợp đồng thế chấp số: 035/2023/HĐBĐ/NHCT901 ngày 15/03/2023. Tài sản tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 703, tờ bản đồ số 13, diện tích 96,3m^2 (trong đó: đất ở 96,3m^2), tại địa chỉ: Xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG451609, số vào sổ cấp GCN: CH01847 do Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/8/2011, cập nhật biến động ngày 06/12/2013, hiện nay đang đứng tên ông T1, bà N và đang quản lý sử dụng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C3 (V) thì ông T1 và bà N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nếu ông Võ Hoàng T và bà Nguyễn Thị Thu C không thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng thì ông T1, bà N đồng ý phát mại tài sản bảo đảm

để trả nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra ông T1 và bà N không có yêu cầu độc lập hay ý kiến gì khác.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 703, tờ bản đồ số 13, diện tích 96,3m^2 (trong đó: đất ở 96,3m^2), tại địa chỉ: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG451609, số vào sổ cấp GCN: CH01847 do Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/8/2011, cập nhật biến động ngày 06/12/2013. Hiện trạng trên đất: Một phần nhà xưởng có kết cấu như sau: Kèo thép, mái tôn, nền xi măng, một phần mái tôn có diện tích 96,3m^2 và ngoài ra không có tài sản nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 26/11/2025, 23/12/2025 nhưng vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP C3 (V) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Hoàng T và bà Nguyễn Thị Thu C thanh toán số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Ao Hồng D có mặt. Bị đơn ông Võ Hoàng T, bà Nguyễn Thị Thu C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 26/11/2025 và ngày 23/12/2025 nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành T1, bà Lê Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật

Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Giữa Ngân hàng TMCP C3 (V) với ông Võ Hoàng T và bà Nguyễn Thị Thu C ký kết với nhau hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và giấy nhận nợ, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 064/2023-HĐCV/NHCT901 ngày 15/3/2023 số tiền vay 3.500.000.000 đồng; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua quyền sử dụng đất tại thửa đất số 952, tờ bản đồ số 26, địa chỉ: G, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Thời hạn vay: 240 tháng; Số tiền giải ngân 3.500.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 15/03/2023. Lãi suất vay: 13%/năm, lãi suất có điều chỉnh. Ông T, bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, hiện số tiền còn nợ tính đến ngày 23/12/2025 là 3.474.035.253 đồng; nợ gốc 3.171.065.561 đồng; lãi trong hạn 299.024.183 đồng; lãi phạt 3.945.509 đồng.

Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 064/2023 ngày 16/3/2023: Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng. Ông T, bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, hiện số tiền còn nợ tính đến ngày 23/12/2025 là 44.687.795 đồng, trong đó: Nợ gốc là 29.471.178 đồng và nợ lãi 14.108.662 đồng, lãi phạt 1.107.955 đồng.

[2.1] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Hợp đồng tín dụng số: 064/2023-HĐCV/NHCT901 ngày 15/3/2023 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 064/2023 ngày 16/3/2023 là hợp đồng được giao kết giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng với ông T và bà C, thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn trình bày và cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ông T, bà C đã nhận đủ số tiền vay. Do ông T và bà C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đúng hạn nên Ngân hàng TMCP C3 (V) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Hoàng T, bà Nguyễn Thị Thu C phải thanh toán tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 064/2023-HĐCV/NHCT901 ngày 15/3/2023 và đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 064/2023 ngày 16/3/2023 tính đến ngày 23/12/2025 là 3.518.723.048 đồng trong đó: Nợ gốc là 3.200.536.739 đồng, nợ lãi trong hạn 313.132.845 đồng, nợ lãi phạt 5.053.464 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 24/12/2025 cho đến khi bà ông T, bà C hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP C3 (V).

Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Quá trình tố tụng ông Võ Hoàng T và bà Nguyễn Thị Thu C đã được tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có

văn bản nào thể hiện ý kiến của ông T và bà C về việc không thừa nhận chữ ký của mình trong các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết giữa hai bên, đồng thời ông T và bà C cũng không xuất trình chứng cứ chứng minh đã thanh toán nợ. Như vậy ông T và bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận nên phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nêu trên là 3.518.723.048 đồng trong đó: Nợ gốc là 3.200.536.739 đồng, nợ lãi trong hạn 313.132.845 đồng, nợ lãi phạt 5.053.464 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 24/12/2025 cho đến khi ông T và bà C hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP C3 (V).

[2.2] Về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 703, tờ bản đồ số 13, diện tích 96,3m^2 (trong đó: đất ở 96,3m^2), tại địa chỉ: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 451609, số vào sổ cấp GCN: CH01847 do Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/8/2011, cập nhật biến động ngày 06/12/2013. Quyền sử dụng đất này được ông Võ Thanh T2, bà Lê Thị N thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của ông Võ Hoàng T, bà Nguyễn Thị Thu C tại Ngân hàng TMCP C3 (V) theo Hợp đồng tín dụng số số: 064/2023-HĐCV/NHCT901 ngày 15/3/2023. Hợp đồng thế chấp số: 035/2023/HĐBĐ/NHCT901 ngày 15/3/2023 được ký giữa Ngân hàng TMCP C3 (V) với ông Võ Thanh T2, bà Lê Thị N, số công chứng 0002651 tại Văn phòng C4, Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng thế chấp nêu trên được công chứng và đăng ký thế chấp hợp pháp, thể hiện sự tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật và tuân thủ quy định về hình thức nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông T và bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán dẫn đến việc Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu nợ trước hạn và Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành T1 và bà Lê Thị N đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thống nhất phát mại tài sản để trả nợ cho ngân hàng. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng là phù hợp với sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Số tiền 5.000.000 đồng, bị đơn phải chịu và thanh toán lại cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Hoàng T và bà Nguyễn Thị Thu C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 và các Điều 157, 158, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều: 317, 318, 319, 320, 323, 325 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng 2024;

- Căn cứ Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

- Thông tư số 12/2024/TT-NHNN, ngày 28/6/2024 của Ngân hàng N1 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C3 (V) đối với bị đơn ông Võ Hoàng T, bà Nguyễn Thị Thu C về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

- Buộc ông Võ Hoàng T, bà Nguyễn Thị Thu C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP C3 (V) số tiền còn nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 064/2023-HĐCV/NHCT901 ngày 15/3/2023 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 064/2023 ngày 16/3/2023 tính đến ngày 23/12/2025 là 3.518.723.048 đồng trong đó: Nợ gốc là 3.200.536.739 đồng, nợ lãi trong hạn 313.132.845 đồng, nợ lãi phạt 5.053.464 đồng.

- Kể từ ngày 24/12/2025, ông Võ Hoàng T, bà Nguyễn Thị Thu C còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh cho Ngân hàng TMCP C3 (V) theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, giấy nhận nợ nêu trên cho đến khi ông Võ Hoàng T, bà Nguyễn Thị Thu C thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

- Trường hợp ông Võ Hoàng T, bà Nguyễn Thị Thu C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng C3 (V) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 703, tờ bản đồ số 13, diện tích 96,3m^2 (trong đó: đất ở 96,3m^2), tại địa chỉ: Xã V, Huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 451609, số vào sổ cấp GCN: CH 01847 do Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/8/2011, cập nhật biến động ngày 06/12/2013.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Võ Hoàng T và bà Nguyễn Thị Thu C phải trả lại cho Ngân hàng TMCP C3 (V) số tiền 5.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Hoàng T, bà Nguyễn Thị Thu C phải chịu 102.374.461 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C3 (V) 49.266.273 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004738 ngày 11 tháng 06 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**